

Số: 12832/QĐ-UBND

Cù Chi, ngày 17 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, học kỳ I, năm học 2024 – 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 3624/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 794/SGDDT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022; Công văn số 1406/SGDDT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 2417/TTr-PGDĐT ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ đối với 97 trẻ, với tổng số tiền là **62.080.000 đồng** (Sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)

(chi tiết theo danh sách đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:



Chịu trách nhiệm đảm bảo thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở giáo dục mầm non theo đúng quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách hỗ trợ; chuyển kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non theo đúng Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện; tiếp nhận hồ sơ quyết toán chi trả tiền hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo; thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chi hỗ trợ cho trẻ kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng chính sách và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo theo đúng quy định của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

3. Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non: chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của danh sách đối tượng đề nghị hỗ trợ; bảo quản, lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện chi hỗ trợ trẻ em mẫu giáo kịp thời; gửi hồ sơ thanh quyết toán đến Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) ngay sau khi thực hiện chi trả cho các đối tượng theo đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Củ Chi, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực.HĐND huyện (để báo cáo);
- Thường trực UBND huyện (CT, các PCT);
- Lưu: VT, P.GDĐT.02.TTSỹ.28.



Nguyễn Thị Hằng

DANH SÁCH HỒ TRỢ AN TRƯA CHO TRẺ EM MÀU GIÁO THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/ND-CP
NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ
HQC KỶ I, NĂM HỌC 2024-2025
(Đính kèm Quyết định số 12832/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT trường	Tên trường	Tổng số học sinh	Thuộc xã	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Theo khoản 1 Điều 7 ND 105/2020/ND-CP)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1x4x6	8
	Tổng cộng	97						62.080.000	
1	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	4						2.560.000	
1	Nguyễn Trọng Khánh		Tân Phú Trung	27/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553030696HCN
2	Lê Tiến Đạt		Tân Phú Trung	27/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553100786HCN
3	Lương Diệp Anh		Tân Phú Trung	31/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553110797HCN
4	Trần Nguyễn Khả Hân		Tân Phú Trung	12/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553110567HCN
2	Trường mầm non Tân Phú Trung 2	3						1.920.000	
5	Nguyễn Bảo Khang		Tân Phú Trung	14/02/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553050306HCN
6	Nguyễn Thị Tú Anh		Tân Phú Trung	12/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553070817HCN
7	Nguyễn Thanh Ngọc Tuyền		Tân Phú Trung	13/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553050723HCN
3	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	2						1.280.000	
8	Nguyễn Hoàng Thiên Long		Tân Thông Hội	23/07/2019	160.000	Tại điểm d khoản 1 Điều 7	4	640.000	27556000438 (Khuyết tật)
9	Huỳnh Thanh Hoài Lộc		Tân Thông Hội	12/06/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27553100516HCN
4	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	1						640.000	
10	Nguyễn Gia Quý		Tân Thông Hội	19/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27556071215HCN
5	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	3						1.920.000	
	Nguyễn Cao Tường Nhi		Tân Thông Hội	30/09/2019	160.000	Tại điểm b khoản 1 Điều 7	4	640.000	Mô côi. Quyết định số 14272/QĐ-UBND của UBND Huyện Củ Chi ngày 12/09/2022)

S.TT trường	Tên trường	Tổng số học sinh	Thuộc xã	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng (Theo khoản 1 Điều 7 ND 105/2020/ND-CP	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
	12 Nguyễn Ngọc Yến Vy		Tân Thông Hội	05/01/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27556030325HCN
	13 Ngô Minh Huy		Tân Thông Hội	07/07/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27556040495HCN
6	Trường Mầm non Thị trấn Cù Chi I	6						3.840.000	
	14 Phạm Gia Hưng		Thị trấn Cù Chi	20/04/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496070077HCN
	15 Nông Ngọc Gia An		Thị trấn Cù Chi	01/10/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496070222HCN
	16 Bành Ngọc Tú Anh		Thị trấn Cù Chi	03/05/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496010354HCN
	17 Huỳnh Ngọc Ánh		Thị trấn Cù Chi	14/01/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496090454HCN
	18 Trần Hoàng Thiên Ân		Thị trấn Cù Chi	03/06/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496100455HCN
	19 Nguyễn Minh Nhật		Thị trấn Cù Chi	17/06/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496030257HCN
7	Trường Mầm non Thị trấn Cù Chi 3	4						2.560.000	
	20 Lê Thành Trung		Thị trấn Cù Chi	28/09/2017	160.000	Tại điểm đ khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496000356 (khuyết tật)
	21 Hứa Trần Nam		Thị trấn Cù Chi	10/04/2022	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496010004HCN
	22 Lý Ngọc Khả Như		Thị trấn Cù Chi	21/08/2019	160.000	Tại điểm đ khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496010458HCN
	23 Trần Đức Gia Hân		Thị trấn Cù Chi	21/05/2021	160.000	Tại điểm đ khoản 1 Điều 7	4	640.000	27496010013HCN
8	Trường Mầm non Thái Mỹ	4						2.560.000	
	24 Đinh Triệu Khang		Thái Mỹ	26/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27538080603HCN
	25 Bùi Như Ý		Thái Mỹ	24/06/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27538050244HCN
	26 Triệu Thị Thanh Ngọc		Thái Mỹ	05/07/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27538080593HCN
	27 Bùi Như Tinh		Thái Mỹ	17/02/2022	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27538050244HCN
9	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	10						6.400.000	
	28 Nguyễn Phước Thịnh		Trung Lập Hạ	17/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520020082HCN
	29 Lê Hồng Kim		Trung Lập Hạ	24/11/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520040512HCN
	30 Võ Kim Ngọc		Trung Lập Hạ	03/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520050518HCN
	31 Phạm Ngọc Phương Nhi		Trung Lập Hạ	10/1/2020	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520020480HCN
	32 Phan Thị Ngọc Hân		Trung Lập Hạ	09/03/2020	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520020440HCN
	33 Phạm Minh Khôi		Trung Lập Hạ	28/07/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520020118HCN
	34 Võ Cát Nhã Uyên		Trung Lập Hạ	29/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520040492HCN
	35 Phạm Duy Anh		Trung Lập Hạ	31/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	27520010462HCN

STT trường	Tên trường	Tổng số học sinh	Thuộc xã	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Theo khoản 1 Điều 7 ND 105/2020/ND-CP)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
36	Lê Thanh Huy		Trung Lập Hạ	31/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 2 Điều 7	4	640.000	275200505051HCN
37	Nguyễn Thị Thanh Thảo		Trung Lập Hạ	21/12/2019	160.000	Tại điểm d khoản 1 Điều 7	4	640.000	275200000238 (khuyết tật)
10	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	7						4.480.000	
38	Hoàng Diệp Lan Chi		Trung Lập Thượng	19/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505020077HCN
39	Nguyễn Chiêu Nghi		Trung Lập Thượng	09/02/2021	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505080806HCN
40	Cao Võ Kiều Vân		Trung Lập Thượng	24/05/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505060521HCN
41	Nguyễn Trương Kiến Phong		Trung Lập Thượng	18/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505050450HCN
42	Nguyễn Trương Triệu Phong		Trung Lập Thượng	18/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505050450HCN
43	Nguyễn Tô Hà		Trung Lập Thượng	17/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505070700HCN
44	Võ Ngọc Mỹ Uyên		Trung Lập Thượng	12/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27505050492HCN
11	Trường Mầm non An Nhơn Tây	8						5.120.000	
45	Mai Trương Minh Khánh		Phú Mỹ Hưng	10/12/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499060921HCN
46	Mai Trương Minh Khôi		Phú Mỹ Hưng	12/05/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499060921HCN
47	Nguyễn Phúc Lộc An		An Nhơn Tây	07/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508030227HCN
48	Nguyễn Thị Ngọc Lan		An Nhơn Tây	14/01/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508020081HCN
49	Nguyễn Thị Kim Dung		An Nhơn Tây	12/05/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508090584HCN
50	Hoàng Đức Phát		An Nhơn Tây	09/11/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508030149HCN
51	Hoàng Đức Mạnh		An Nhơn Tây	26/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508030149HCN
52	Trần Yến Nhi		An Nhơn Tây	06/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27508050376HCN
12	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	1						640.000	
53	Trần Nguyễn Nhật Tiên		Phạm Văn Cội	13/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27514040220HCN
13	Trường Mầm Non Phú Hòa Đông	2						1.280.000	
54	Nguyễn Ngọc Lan		Phú Hòa Đông	03/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27517041342HCN
55	Cao Trung Hiếu		Phú Hòa Đông	28/06/2018	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27517091235HCN
14	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	5						3.200.000	
56	Nguyễn Hoàng Kim		Phước Vĩnh An	12/10/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27535050699HCN
57	Võ Minh Khang		Phước Vĩnh An	11/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27535050823HCN

STT trường	Tên trưởng	Tổng số học sinh	Thuộc xã	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng (Theo khoản 1 Điều 7 ND 105/2020/NĐ-CP)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
58	Nguyễn Phúc Đức		Phước Vĩnh An	15/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	275350412061HCN
59	Nguyễn Phúc Tâm		Phước Vĩnh An	15/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	275350412061HCN
60	Phạm Nguyễn Kim Quyên		Phước Vĩnh An	09/11/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	2753502020241HCN
15	Trường Mầm non Trung An 1	2						1.280.000	
61	Võ Minh Tài		Trung An	09/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27523040356HCN
62	Võ Thị Phúc An		Trung An	22/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27523030284HCN
16	Trường Mầm non Hòa Phú	5						3.200.000	
63	Nguyễn Ngọc Như Ý		Hòa Phú	08/07/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27544031228HCN
64	Nguyễn Tuấn Anh Khoa		Hòa Phú	12/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27544010013HCN
65	Đoàn Minh Giàu		Hòa Phú	04/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27544030490HCN
66	Đoàn Minh Sang		Hòa Phú	04/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27544030490HCN
67	Lê Phương Bảo Hân		Hòa Phú	13/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27544020166HCN
17	Trường Mầm non Bình Mỹ	2						1.280.000	
68	Cao Nguyễn Ngọc Trinh		Bình Mỹ	11/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27550020126HCN
69	Võ Thị Lan Anh		Bình Mỹ	02/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27550091266HCN
18	Trường Mầm Non Phước Thạnh	2						1.280.000	
70	Nguyễn Lê Thị Trúc Phương		Phước Thạnh	26/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27526020795HCN
71	Huỳnh Công Hậu		Phước Thạnh	10/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27526040690HCN
19	Trường Mầm Non Tân An Hội 1	3						1.920.000	
72	Cao Trần Mai Anh		Xã Tân Mỹ, H. Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	04/03/2021	160.000	Tại điểm d khoản 1 Điều 7	4	640.000	298390000387 (Khuyết tật)
73	Phan Nhựt Tâm		Tân An Hội	21/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27532080897HCN
74	Nguyễn Hòa Bình		Tân An Hội	14/7/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27532010920HCN
20	Trường Mầm non An Phú	5						3.200.000	
75	Nguyễn Phan Thảo Như		An Phú	30/06/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27502030482HCN
76	Nguyễn Ngọc Thúy An		An Phú	08/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27502030350HCN
77	Lại Ngọc Anh Thư		An Phú	10/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27502040613HCN
78	Ngô Anh Khoa		An Phú	22/03/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27502020953HCN

STT trường	Tên trường	Tổng số học sinh	Thuộc xã	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng (Theo khoản 1 Điều 7 NĐ 105/2020/NĐ-CP)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
79	Bùi Trần Thiên Lộc		An Phú	03/01/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27502010925HKN
21	Trưởng Mầm non Hoàng Minh Đạo	13						8.320.000	
80	Trần Hoài Bằng Di		Phú Mỹ Hưng	22/12/2021	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499040589HKN
81	Phạm Nguyễn Chí Thành		Phú Mỹ Hưng	13/07/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499050340HCN
82	Phan Ngọc An		Phú Mỹ Hưng	18/10/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499060023HCN
83	Đặng Ngọc Thỉnh Anh		Phú Mỹ Hưng	07/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499040276HCN
84	Nguyễn Khánh Vy		Phú Mỹ Hưng	06/05/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499040267HCN
85	Nguyễn Lê Gia Hân		Phú Mỹ Hưng	06/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499041045HKN
86	Lê Quý Minh Khôi		Phú Mỹ Hưng	02/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499010971HKN
87	Phạm Lê Diệp Chi		Phú Mỹ Hưng	14/02/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499040546HCN
88	Lê Trọng Nhân		Phú Mỹ Hưng	18/07/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499030924HCN
89	Nguyễn Minh Quang		Phú Mỹ Hưng	05/04/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499030943HKN
90	Võ Ngọc Khả Hân		Phú Mỹ Hưng	28/05/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499040934HCN
91	Huỳnh Võ Duy Phước		Phú Mỹ Hưng	02/10/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499010975HKN
92	Nguyễn Trần Anh Tú		Phú Mỹ Hưng	17/12/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27499041060HKN
22	Trưởng Mầm non Phước Hiệp	1						640.000	
93	Dur Trần Bảo Ngọc		Phước Hiệp	13/04/2020	160000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27529050402HCN
23	Trưởng Mầm non Tân Thạnh Tây	2						1.280.000	
94	Nguyễn Bảo Ánh		Tân Thạnh Tây	16/08/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27541010751HKN
95	Trần Kim Thư		Tân Thạnh Tây	21/09/2019	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27541040193HCN
24	Trưởng Mầm non Nhuận Đức	2						1.280.000	
96	Lê Phạm Minh Lợi		Nhuận Đức	14/07/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27511090847HKN
97	Châu Lê Phúc Khang		Nhuận Đức	20/03/2020	160.000	Tại điểm c khoản 1 Điều 7	4	640.000	27511080001HKN

UBND HUYỆN CÚ CHI